

Số: 758 /2021/TPS-CV

TP. HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2021

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014

Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố:  bất thường  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận Quý 3 năm 2021 so với Quý 3 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/10/2021 tại đường dẫn:

<https://tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/tps-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-quy-3-nam-2021?postId=1010>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021.
- Giải trình Biến động lợi nhuận Quý 3 năm 2021 so với Quý 3 năm 2020

**Người được ủy quyền CBTT**



**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 19 tháng 10 năm 2021

Số : 010/2021/TPS-CV  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận  
Quý III.2021 so với Quý III.2020

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc Kết quả kinh doanh Quý III năm 2021 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh Quý III năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Quý III - 2021	Quý III - 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	<b>Doanh thu</b>	<b>351,525,431,677</b>	<b>105,682,624,288</b>	<b>245,842,807,389</b>	<b>232.62%</b>
	Doanh thu thực hiện	351,655,657,262	105,682,527,198	245,973,130,064	
	Doanh thu đánh giá FVTPL	(130,225,585)	97,090	(130,322,675)	
2	<b>Chi phí</b>	<b>304,405,024,190</b>	<b>77,096,902,775</b>	<b>227,308,121,415</b>	<b>294.83%</b>
	Chi phí thực hiện	305,043,923,178	76,800,314,105	228,243,609,073	
	Chi phí đánh giá FVTPL	(638,898,988)	296,588,670	(935,487,658)	
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>47,120,407,487</b>	<b>28,585,721,513</b>	<b>18,534,685,974</b>	<b>64.84%</b>
4	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>17,427,789,147</b>	<b>5,794,344,303</b>	<b>11,633,444,844</b>	
5	<b>Lợi Nhuận sau thuế</b>	<b>29,692,618,340</b>	<b>22,791,377,210</b>	<b>6,901,241,130</b>	<b>30.28%</b>

Doanh thu Quý III – 2021 đạt hơn 351 tỷ đồng, tăng 232.62% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí Quý III – 2021 đạt hơn 304 tỷ đồng, tăng hơn 294.83% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ doanh thu và chi phí tăng chủ yếu từ hoạt động tư vấn tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Quý III - 2021 đạt được hơn 29 tỷ đồng, tăng 30.28% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**



**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Địa chỉ : Tầng 3, 75 -77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình

Quận I, TP. HCM

Mã số thuế: 0304814339

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ III - NĂM 2021**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ III - NĂM 2021

Gồm:

- Báo cáo Tình hình tài chính riêng
- Báo cáo Kết quả hoạt động riêng
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
- Công văn giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)</b>	<b>100</b>		<b>6,086,960,137,308</b>	<b>2,172,960,074,502</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>6,080,135,952,454</b>	<b>2,169,121,731,195</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1	1,416,521,908,203	1,002,117,958,872
1.1. Tiền	111.1		1,416,521,908,203	1,002,117,958,872
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	3.a	2,060,153,919,321	450,490,918,650
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	3.b	1,200,000,000,000	-
4. Các khoản cho vay	114	3.c	1,277,196,223,200	127,817,183,500
7. Các khoản phải thu	117		1,360,784,002	695,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	4a	-	695,000,000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	4b	1,360,784,002	-
7.2.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		161,095,891	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1,199,688,111	-
8. Trả trước cho người bán	118	4c	7,447,385,520	512,551,667,980
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4d	104,752,874,461	62,742,833,058
12. Các khoản phải thu khác	122	4e	12,702,857,747	12,706,169,135
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>6,824,184,854</b>	<b>3,838,343,307</b>
1. Tạm ứng	131		129,692,910	562,451,671
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	5a	6,669,491,944	1,090,385,434
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	6a	25,000,000	20,000,000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	136		-	2,165,506,202
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>40,867,689,774</b>	<b>25,603,536,023</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15,673,422,290</b>	<b>6,956,397,665</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	6,062,880,008	3,230,140,480
- Nguyên giá	222		12,770,114,109	9,118,477,729
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(6,707,234,101)	(5,888,337,249)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	9,610,542,282	3,726,257,185
- Nguyên giá	228		18,370,771,564	10,953,787,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(8,760,229,282)	(7,227,530,379)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>2,519,681,159</b>	<b>425,882,609</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>22,674,586,325</b>	<b>18,221,255,749</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6b	3,433,614,373	2,265,293,833
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	5b	3,978,293,998	5,501,756,869
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	10	10,704,716,802	6,353,177,853
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	4,557,961,152	4,101,027,194
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6,127,827,827,082</b>	<b>2,198,563,610,525</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>3,986,129,228,312</b>	<b>1,238,047,594,567</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,986,129,228,312</b>	<b>238,047,594,567</b>
I. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	12	1,180,000,000,000	-
I.1. Vay ngắn hạn	312		1,180,000,000,000	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		129,336,587,898	55,406,916,000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	13	78,792,022	324,237,500
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	14	33,034,735,358	7,122,594,274
11. Phải trả người lao động	323		3,195,738,189	8,570,186,519
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	15	62,610,533,621	33,565,253,669
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		43,124,784,221	31,151,123,629
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	16	534,748,057,003	101,907,282,976
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2,000,000,000,000</b>	<b>1,000,000,000,000</b>
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	17	2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>2,141,698,598,770</b>	<b>960,516,015,958</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,141,698,598,770</b>	<b>960,516,015,958</b>
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	2,000,877,282,000	1,000,000,000,000
I.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
I.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		877,282,000	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	417	19	140,821,316,770	(39,483,984,042)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		141,081,791,183	(45,270,770,467)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đến cuối kỳ trước	417.1a		(45,270,770,467)	(132,214,676,633)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện phát sinh trong kỳ	417.1b		186,352,561,650	86,943,906,166
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(260,474,413)	5,786,786,425
- Lợi nhuận chưa thực hiện đến cuối kỳ trước	417.2a		5,786,786,425	3,464,696,632
- Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	417.2b		(6,047,260,838)	2,322,089,793
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6,127,827,827,082</b>	<b>2,198,563,610,525</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>				
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	20.1	408,234,835,519	408,234,835,519
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	18	200,000,000	100,000,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	20.2	73,003,580,000	227,218,270,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		20.2	73,003,580,000	226,718,270,000
b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		20.2	-	500,000,000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010	20.2	99,173,450,000	1,511,500,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	20.3	1,698,627,640,000	98,100,000,000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	20.4	6,004,603,116,000	3,107,055,785,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3,793,293,376,000	1,113,855,545,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2,072,159,910,000	1,966,554,330,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		139,149,830,000	26,645,910,000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	20.5	77,316,779,500	24,349,090,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		340,079,334,085	182,001,020,004
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	20.6	340,079,334,085	154,001,020,004
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	20.7	-	28,000,000,000
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	20.8	340,079,334,085	154,001,020,004
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		339,451,357,208	153,425,112,018
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		627,976,877	575,907,986
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	28,000,000,000
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	21	1,453,434,659	1,606,627,659

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021



NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN  
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kê toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

QUÝ III - NĂM 2021

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm	Quý III	Lũy kế từ đầu năm
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		98,822,165,424	207,496,205,167	3,280,179,640	4,407,186,527
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	22	67,367,105,815	139,668,726,032	1,006,550,606	2,111,186,892
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	23	(130,225,585)	2,456,038,481	97,090	127,040
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	24	31,585,285,194	65,371,440,654	2,273,531,944	2,295,872,595
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	24	223,561,644	231,397,260	-	5,753,425
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	25,882,431,768	39,142,378,446	243,359,446	378,937,669
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	26	21,032,473,971	55,686,630,614	8,586,785,784	13,188,513,966
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	26	312,371,671	6,139,290,129	25,000,000	25,000,000
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	26	64,208,705,008	138,665,150,000	11,431,851,664	19,747,165,262
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	26	139,898,155,291	443,323,155,291	78,800,000,000	214,795,205,479
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	26	388,154,045	976,466,839	1,320,000,000	2,352,000,000
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 --&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>350,768,018,822</b>	<b>891,660,673,746</b>	<b>103,687,176,534</b>	<b>254,899,762,328</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		96,226,821,294	195,861,600,780	1,708,731,388	2,020,593,393
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	22	96,404,354,879	182,495,595,203	1,363,731,602	1,634,529,646
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	22, 29	(638,898,988)	12,854,838,268	296,588,670	321,499,070
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3	29	461,365,403	511,167,309	48,411,116	64,564,677
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	29	14,545,455	19,545,455		144,000,000
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	29	28,746,113,945	52,459,233,979	2,148,151,108	6,157,442,039
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	45,485,043,516	91,105,196,120	10,595,432,765	10,949,925,345
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	29	53,183,880,332	146,792,843,087	35,392,355,263	115,784,141,197
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 --&gt; 32)</b>	<b>40</b>		<b>223,656,404,542</b>	<b>486,238,419,421</b>	<b>49,844,670,524</b>	<b>135,056,101,974</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	27	410,155,459	895,590,729	21,527,322	316,775,154
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 --&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>410,155,459</b>	<b>895,590,729</b>	<b>21,527,322</b>	<b>316,775,154</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>						
4.2. Chi phí lãi vay	52	28	52,120,234,366	119,058,608,356	15,761,099,898	16,661,146,896
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 --&gt; 55)</b>	<b>60</b>		<b>52,120,234,366</b>	<b>119,058,608,356</b>	<b>15,761,099,898</b>	<b>16,661,146,896</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>30</b>	<b>28,628,385,282</b>	<b>69,780,842,695</b>	<b>11,472,625,742</b>	<b>32,272,496,026</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>46,773,150,091</b>	<b>217,478,394,003</b>	<b>26,630,307,692</b>	<b>71,226,792,586</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý III	Lũy kế từ đầu năm	Quý III	Lũy kế từ đầu năm
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>						
8.1. Thu nhập khác	71	31	347,257,396	10,160,432,058	1,973,920,432	4,812,199,252
8.2. Chi phí khác	72	32	-	5,067,673,786	18,506,611	18,506,611
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)</b>	<b>80</b>		<b>347,257,396</b>	<b>5,092,758,272</b>	<b>1,955,413,821</b>	<b>4,793,692,641</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>47,120,407,487</b>	<b>222,571,152,275</b>	<b>28,585,721,513</b>	<b>76,020,485,227</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		46,611,734,084	232,969,952,062	28,882,213,093	76,341,857,257
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		508,673,403	(10,398,799,787)	(296,491,580)	(321,372,030)
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>17,427,789,147</b>	<b>42,265,851,463</b>	<b>5,794,344,303</b>	<b>15,199,974,304</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		9,330,146,816	46,617,390,412	5,853,642,619	11,847,926,286
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		8,097,642,331	(4,351,538,949)	(59,298,316)	3,352,048,018
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>29,692,618,340</b>	<b>180,305,300,812</b>	<b>22,791,377,210</b>	<b>60,820,510,923</b>
<b>Tổng thu nhập toàn diện</b>	<b>400</b>		<b>29,692,618,340</b>	<b>180,305,300,812</b>	<b>22,791,377,210</b>	<b>60,820,510,923</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>151</b>	<b>919</b>	<b>570</b>	<b>1,384</b>
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		151	919	519	1,384
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		151	919	519	1,384



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN  
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

MẪU B03-CTCK

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		222,571,152,275	76,020,485,227
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		121,017,584,514	17,481,375,564
- Khấu hao TSCĐ	03		3,226,936,275	820,228,668
- Chi phí lãi vay	06		119,058,608,356	16,661,146,896
- Dự thu tiền lãi	08		(1,199,688,111)	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		(68,272,006)	-
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		12,854,838,268	321,499,070
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		12,854,838,268	321,499,070
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		(2,456,038,481)	(127,040)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(2,456,038,481)	(127,040)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		(3,106,423,109,795)	(306,150,623,518)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1,620,061,800,458)	(121,472,688,170)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(1,200,000,000,000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1,149,379,039,700)	(6,124,775,350)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		695,000,000	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(161,095,891)	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		(42,010,041,403)	(254,900,365,295)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(1,125,912,343)	(23,728,814,832)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	123,278,838,061
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		74,430,392,945	31,332,096,843
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(4,055,643,639)	1,957,002,480
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(35,121,737,394)	(5,994,283,667)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(90,514,049,451)	(26,466,078,403)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		504,858,836,982	(12,024,517,330)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(845,000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		16,581,994,268	(2,497,954,260)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(5,374,448,330)	(1,521,320,000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		444,814,434,619	(7,986,918,595)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		(2,752,435,573,219)	(212,327,390,697)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(14,037,759,450)	(2,720,599,722)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(14,037,759,450)</i>	<i>(2,720,599,722)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		1,000,877,282,000	39,600,000,000
2. Tiền vay gốc	73		2,180,000,000,000	985,000,000,000
2.2. <i>Tiền vay khác</i>	<i>73.2</i>		<i>2,180,000,000,000</i>	<i>985,000,000,000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>3,180,877,282,000</i>	<i>1,024,600,000,000</i>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>414,403,949,331</b>	<b>809,552,009,581</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>	<b>1</b>	<b>1,002,117,958,872</b>	<b>117,115,839,349</b>
- Tiền	101.1		1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>	<b>1</b>	<b>1,416,521,908,203</b>	<b>926,667,848,930</b>
- Tiền	103.1		1,416,521,908,203	926,667,848,930
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		23,176,223,872,947	951,759,308,100
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(22,528,755,592,022)	(965,476,129,500)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		26,706,023,964,874	1,023,063,553,574
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(27,166,366,404,260)	(996,458,594,957)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1,047,527,458)	(557,765,262)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		24,981,083,616,099	4,795,166,798,740
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(24,981,083,616,099)	(4,811,366,798,740)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>186,078,314,081</b>	<b>(3,869,628,045)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>154,001,020,004</b>	<b>29,627,572,793</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		154,001,020,004	29,627,572,793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	20.7	154,001,020,004	13,427,572,793
<i>Trong đó có kỳ hạn:</i>				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	20.8	-	16,200,000,000
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>340,079,334,085</b>	<b>25,757,944,748</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		340,079,334,085	25,757,944,748
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	20.7	340,079,334,085	25,757,944,748

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

  
 NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN  
 Người lập

  
 NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
 Kế toán trưởng

  
  
 NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
 Giám đốc Khối Tài chính

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
QUÝ III - NĂM 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		Năm nay		Năm nay		Năm nay	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
		Ngày 01/01/2020	Ngày 01/01/2021	Ngày 30/09/2020	Ngày 30/09/2021	Ngày 30/09/2020	Ngày 30/09/2021
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		400,000,000,000	1,000,000,000,000	-	1,000,877,282,000	-	2,000,877,282,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		400,000,000,000	1,000,000,000,000	-	1,000,000,000,000	-	2,000,000,000,000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	877,282,000	-	877,282,000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(128,749,980,001)	(39,483,984,042)	(3,673,420,048)	186,352,561,650	(6,047,260,838)	140,821,316,770
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(132,214,676,633)	(45,270,770,467)	-	186,352,561,650	-	141,081,791,183
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3,464,696,632	5,786,786,425	(3,673,420,048)	-	(6,047,260,838)	(260,474,413)
		<b>271,250,019,999</b>	<b>960,516,015,958</b>	<b>(3,673,420,048)</b>	<b>1,187,229,843,650</b>	<b>(6,047,260,838)</b>	<b>2,141,698,598,770</b>



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN  
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU B09-CTCK

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:*

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
- ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
  - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
  - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 06 tháng 8 năm 2021, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 1.000.000.000.000 VND tăng lên 2.000.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 2.000.000.000.000 VND
  - Số cổ phiếu : 200.000.000 cổ phiếu
  - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
  - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
  - Fax : (84-028) 3911 8015
  - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**
- **Chi nhánh**
  - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
  - Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
  - Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9 - 006**

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### 3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về “Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán”.

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn 01 năm.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

## **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **4. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 202 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

#### **4. Tài sản tài chính**

##### **a) Phân loại tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

##### ***Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)***

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)***

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phát sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

#### c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
  - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<b><u>Thời gian quá hạn</u></b>	<b><u>Mức trích dự phòng</u></b>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

#### **6. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

##### ***Các hợp đồng mua lại***

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

##### ***Các hợp đồng bán lại***

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

#### **8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### **9. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

#### **11. Các khoản vay**

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

#### **12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

#### **13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Các quỹ.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hằng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Mức trích tối đa
Quỹ dự phòng bổ sung Vốn điều lệ	5%	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.

### **15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các Quy định của pháp luật Việt Nam.

### **16. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

#### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn***

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tư doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu tư vấn***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán***

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

#### ***Doanh thu tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

### **17. Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

#### ***Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính***

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

#### ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

#### ***Chi phí hoạt động tự doanh***

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

#### ***Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ***

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

#### **18. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

#### **19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **20. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>Tiền</b>	<b>1,416,521,908,203</b>	<b>1,002,117,958,872</b>
Tiền mặt tại quỹ	11,139,213	8,011,957
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1,416,510,768,990	1,002,109,946,915
	<b>1,416,521,908,203</b>	<b>1,002,117,958,872</b>

#### 2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ ( Cổ phiếu )	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ ( VND )
a) Của CTCK	<b>184,053,507</b>	<b>19,049,171,503,710</b>
- Cổ phiếu	4,779,400	147,698,021,000
- Trái phiếu	179,274,107	18,901,473,482,710
b) Của Nhà đầu tư	<b>190,697,142</b>	<b>6,098,674,834,399</b>
- Cổ phiếu	177,295,149	4,731,288,571,420
- Trái phiếu	13,015,193	1,366,477,369,979
- Chứng khoán khác	386,800	908,893,000
	<b>374,750,649</b>	<b>25,147,846,338,109</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Các loại tài sản tài chính

##### a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Tên tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>735,315,140,000</b>	<b>735,315,140,000</b>	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	100,548,219,000	100,548,219,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	200,000,000,000	200,000,000,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40,816,000,000	40,816,000,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	60,628,800,000	60,628,800,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	127,051,400,000	127,051,400,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	105,876,200,000	105,876,200,000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính Cổ Phần Tín Việt	50,197,260,500	50,197,260,500	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính Cổ Phần Tín Việt	50,197,260,500	50,197,260,500	-	-
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>171,956,746,531</b>	<b>161,503,003,000</b>	<b>292,015,659,250</b>	<b>291,390,918,650</b>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000
Cổ phiếu CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803,400,000	-	803,400,000	587,100,000
Cổ phiếu CTCP Khu công nghiệp Tân Tạo	9,318,698,562	9,479,296,000	-	-
Cổ phiếu CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	1,368,104	2,116,000	13,625,783,138	14,206,920,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát	15,327,000,000	15,870,000,000	-	-
Cổ phiếu CTCP Vincom	96,973,342,090	90,041,600,000	-	-
Cổ phiếu CTCP Vinhomes	10,965,000,000	10,962,000,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	36,767,500,000	33,410,000,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	227,489,263	207,840,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông	1,563,722,400	1,527,807,500	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<i>Tên tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cổ phiếu các Công ty khác	9,226,112	2,343,500	9,226,112	2,348,650
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>136,204,760,121</b>	<b>136,455,276,321</b>	-	-
Trái phiếu TCT Phát triển Đô thị Kinh Bắc	136,204,760,121	136,455,276,321	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>881,742,463,884</b>	<b>880,980,500,000</b>	<b>16,041,650,828</b>	<b>16,100,000,000</b>
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP BCG Land	25,418,117,428	24,668,800,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	505,296,392	500,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư và Dịch vụ Helios	107,089,194	101,300,000	-	-
Trái phiếu CTCP Dịch Vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Tập Đoàn R&H	252,957,700,000	252,957,700,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM	63,947,753	64,900,000	-	-
Trái phiếu Công ty TNHH Phúc Khang Đồng Sài Gòn	122,313,117	119,800,000	-	-
Trái phiếu_CTCP Chứng khoán Everest	100,000,000,000	100,000,000,000	-	-
Trái phiếu_CTCP CMC	101,423,000,000	101,423,000,000	-	-
Trái phiếu_CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	101,145,000,000	101,145,000,000	-	-
	<b>2,071,119,110,536</b>	<b>2,060,153,919,321</b>	<b>451,057,310,078</b>	<b>450,490,918,650</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1,200,000,000,000	1,200,000,000,000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 3,3%/ năm đến 5,4%/năm.

**c) Các khoản cho vay**

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cho vay hoạt động Margin	1,073,668,059,916	1,073,668,059,916	23,283,332,086	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	203,528,163,284	203,528,163,284	104,533,851,414	104,533,851,414
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>127,817,183,500</b>	<b>127,817,183,500</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

Các loại Tài sản tài chính	30.09.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Tài sản FVTPL	2.071,119,110,536	2.060,153,919,321	956,646,391	(11,921,837,606)	2.060,153,919,321	451,057,310,078	450,490,918,650	1,157,580,027	(1,723,971,455)	450,490,918,650
<i>Chứng chỉ tiền gửi</i>	735,315,140,000	735,315,140,000	-	-	735,315,140,000	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	300,548,219,000	300,548,219,000	-	-	300,548,219,000	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	334,372,400,000	334,372,400,000	-	-	334,372,400,000	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi Công ty Tài Chính Cổ Phần Tin Việt	105,876,200,000	105,876,200,000	-	-	105,876,200,000	-	-	-	-	-
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	171,956,746,531	161,503,003,000	705,177,944	(11,158,921,475)	161,503,003,000	292,015,659,250	291,390,918,650	1,099,230,855	(1,723,971,455)	291,390,918,650
Cổ phiếu CTCP DV Du lịch Phụ Thọ_DSP	803,400,000	-	-	(803,400,000)	-	803,400,000	587,100,000	-	(216,300,000)	587,100,000
Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest_EVS	-	-	-	-	-	21,985,250,000	22,502,350,000	517,300,000	-	22,502,350,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt_NVNB	-	-	-	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000	-	-	141,592,000,000
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam_GEX	-	-	-	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000	-	(1,500,000,000)	112,500,000,000
Cổ phiếu CTCP KCN Tân Tạo_ITA	9,318,698,562	9,479,296,000	160,597,438	-	9,479,296,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu CTCP Phân bón Đầu khí Cà Mau_DCM	1,368,104	2,116,000	747,896	-	2,116,000	13,625,783,138	14,206,920,000	581,136,862	-	14,206,920,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát_HPG	15,327,000,000	15,870,000,000	543,000,000	-	15,870,000,000	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	30.09.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
Cổ phiếu CTCP VINCOM_VIC	96,973,342,090	90,041,600,000	-	(6,931,742,090)	90,041,600,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu CTCP VINHOMES_VHMI	10,965,000,000	10,962,000,000	-	(3,000,000)	10,962,000,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin_STB	36,767,500,000	33,410,000,000	-	(3,357,500,000)	33,410,000,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt_LPB	227,489,263	207,840,000	-	(19,649,263)	207,840,000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông_OCB	1,563,722,400	1,527,807,500	-	(35,914,900)	1,527,807,500	-	-	-	-	-
Cổ phiếu Các Công ty khác	9,226,112	2,343,500	832,610	(7,715,222)	2,343,500	9,226,112	2,348,650	793,993	(7,671,455)	2,348,650
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>136,204,760,121</b>	<b>136,455,276,321</b>	<b>250,516,200</b>	<b>-</b>	<b>136,455,276,321</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Trái phiếu TCT Phát triển đô thị Kinh Bắc_KBC12006	136,204,760,121	136,455,276,321	250,516,200	-	136,455,276,321	-	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>143,000,000,000</b>
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-	140,000,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000	-	-	140,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Vận tải Ô tô Vinh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-	2,900,000,000	-	-	-	-	-
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>881,742,463,884</b>	<b>880,980,500,000</b>	<b>952,247</b>	<b>(762,916,131)</b>	<b>880,980,500,000</b>	<b>16,041,650,828</b>	<b>16,100,000,000</b>	<b>58,349,172</b>	<b>-</b>	<b>16,100,000,000</b>
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL2020.06	-	-	-	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP BCG LAND_BCGL2021.01	25,418,117,428	24,668,800,000	-	(749,317,428)	24,668,800,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang_GKC.2021.01	505,296,392	500,000,000	-	(5,296,392)	500,000,000	-	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các loại Tài sản tài chính	30.09.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Trái phiếu CTCP Đầu tư và Dịch vụ HELIOS_ HELIOS.2021.01	107,089,194	101,300,000	-	(5,789,194)	101,300,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giấu trí Hưng Thịnh Quy Nhơn_HQNCHE2124005	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	300,000,000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Tập đoàn R&H_RHG.2021.01	252,957,700,000	252,957,700,000	-	-	252,957,700,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố HCM_CU.2020.01	63,947,753	64,900,000	952,247	-	64,900,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu Công ty TNHH Phúc Khang Đồng Sài Gòn_PKDSG.2020.01	122,313,117	119,800,000	-	(2,513,117)	119,800,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Chứng khoán Everest_BOND.EVSH21240 05	100,000,000,000	100,000,000,000	-	-	100,000,000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP CMC_BOND.CVTB2125003	101,423,000,000	101,423,000,000	-	-	101,423,000,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam_BOND.TNGCB212200 2	101,145,000,000	101,145,000,000	-	-	101,145,000,000	-	-	-	-	-
<b>Tài sản HTM</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn cố định</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1,200,000,000,000	1,200,000,000,000	-	-	1,200,000,000,000	-	-	-	-	-
<b>TSTC cho vay</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>127,817,183,500</b>	<b>127,817,183,500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>127,817,183,500</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại Tài sản tài chính	30.09.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Cho vay hoạt động Margin	1,073,668,059,916	1,073,668,059,916			1,073,668,059,916	23,283,332,086	23,283,332,086			23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	203,528,163,284	203,528,163,284			203,528,163,284	104,533,851,414	104,533,851,414			104,533,851,414
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,548,315,333,736</b>	<b>4,537,350,142,521</b>	<b>956,646,391</b>	<b>(11,921,837,606)</b>	<b>4,537,350,142,521</b>	<b>578,874,493,578</b>	<b>578,308,102,150</b>	<b>1,157,580,027</b>	<b>(1,723,971,455)</b>	<b>578,308,102,150</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) <b>Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	-	<b>695,000,000</b>
- Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	-	695,000,000
b) <b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính</b>	<b>1,360,784,002</b>	-
- Phải thu lãi, cổ tức đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	161,095,891	-
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1,199,688,111	-
c) <b>Trả trước người bán</b>	<b>7,447,385,520</b>	<b>512,551,667,980</b>
d) <b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>104,752,874,461</b>	<b>62,742,833,058</b>
Phải thu hoạt động dịch vụ	393,170,760	286,191,058
Phải thu dịch vụ khác	104,359,703,701	62,456,642,000
e) <b>Phải thu khác</b>	<b>12,702,857,747</b>	<b>12,706,169,135</b>
Các khoản phải thu khác	12,702,857,747	12,706,169,135
	<b>126,263,901,730</b>	<b>588,695,670,173</b>

**5. Chi phí trả trước**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>6,669,491,944</b>	<b>1,090,385,434</b>
Chi phí thuê đường truyền dẫn	24,043,472	441,568,131
Chi phí cải tạo văn phòng	2,734,849,593	-
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	-	8,305,051
Chi phí quản lý thành viên	99,499,993	-
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	598,490,151	298,090,812
Chi phí công cụ dụng cụ	2,760,429,381	121,518,349
Chi phí thuê văn phòng	-	131,891,760
Chi phí ngắn hạn khác	452,179,354	89,011,331
b) <b>Dài hạn</b>	<b>3,978,293,998</b>	<b>5,501,756,869</b>
Chi phí cải tạo văn phòng	2,681,535,597	3,819,852,990
Chi phí vật dụng văn phòng	1,267,065,750	1,561,344,581
Chi phí thuê đường truyền dẫn	3,168,000	16,720,000
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	26,524,651	-
Chi phí dài hạn khác	-	103,839,298
	<b>10,647,785,942</b>	<b>6,592,142,303</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) Ngắn hạn	<b>25,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
Ký quỹ thuê kho	5,000,000	5,000,000
Ký quỹ thuê máy photo	20,000,000	15,000,000
b) Dài hạn	<b>3,433,614,373</b>	<b>2,265,293,833</b>
Ký quỹ thuê văn phòng	3,347,614,373	2,179,293,833
Ký quỹ sử dụng taxi	8,000,000	8,000,000
Ký quỹ thuê xe	78,000,000	78,000,000
	<b>3,458,614,373</b>	<b>2,285,293,833</b>

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4,683,323,200	940,454,545	3,494,699,984	9,118,477,729
- Mua trong kỳ	4,611,539,400	-	-	4,611,539,400
- Thanh lý, nhượng bán	(270,600,000)	-	(689,303,020)	(959,903,020)
Số dư cuối kỳ	<b>9,024,262,600</b>	<b>940,454,545</b>	<b>2,805,396,964</b>	<b>12,770,114,109</b>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	940,454,545	2,805,396,964	3,745,851,509
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1,453,182,720	940,454,545	3,494,699,984	5,888,337,249
Tăng trong kỳ	1,694,237,372	-	-	1,694,237,372
- Khấu hao trong năm	1,694,237,372	-	-	1,694,237,372
Giảm trong kỳ	186,037,500	-	689,303,020	875,340,520
Số dư cuối kỳ	<b>2,961,382,592</b>	<b>940,454,545</b>	<b>2,805,396,964</b>	<b>6,707,234,101</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	<b>3,230,140,480</b>	-	-	<b>3,230,140,480</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>6,062,880,008</b>	-	-	<b>6,062,880,008</b>
<b>Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>				
Tại ngày đầu năm	-	940,454,545	3,494,699,984	4,435,154,529
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>940,454,545</b>	<b>2,805,396,964</b>	<b>3,745,851,509</b>

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 3,475,251,509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,435,154,529 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	10,953,787,564	10,953,787,564
Tăng trong kỳ	7,416,984,000	7,416,984,000
Số dư cuối kỳ	<b>18,370,771,564</b>	<b>18,370,771,564</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết</i>	<i>7,174,617,564</i>	<i>7,174,617,564</i>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	7,227,530,379	7,227,530,379
Khấu hao trong kỳ	1,532,698,903	1,532,698,903
Số dư cuối kỳ	<b>8,760,229,282</b>	<b>8,760,229,282</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	3,726,257,185	3,726,257,185
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>9,610,542,282</b>	<b>9,610,542,282</b>
<b>Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>		
Tại ngày đầu năm	7,013,017,564	7,013,017,564
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>7,174,617,564</b>	<b>7,174,617,564</b>

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 09 năm 2021 là 7.174.617.564 VND, bao gồm phần mềm Giao dịch chứng khoán và phần mềm kế toán. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Nâng cấp hệ thống chứng khoán InvestExp V4.0	2,519,681,159	425,882,609
	<b>2,519,681,159</b>	<b>425,882,609</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>11,195,924,498</b>	<b>6,584,616,106</b>
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	2,570,967,654	354,391,380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	8,624,956,844	6,230,224,726
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>(491,207,696)</b>	<b>(231,438,253)</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch đánh giá tăng TSTC FVTPL	(491,207,696)	(231,438,253)
	<b>10,704,716,802</b>	<b>6,353,177,853</b>

#### 11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	4,258,022,988	4,168,916,260
Mức đóng góp theo doanh số	456,933,958	50,208,981
Tiền lãi phân bổ	(276,995,794)	(238,098,047)
	<b>4,557,961,152</b>	<b>4,101,027,194</b>

#### 12. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	1,180,000,000,000	-
	<b>1,180,000,000,000</b>	<b>-</b>

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các Hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 14/2021/HDTD/TTKHDNLMN2/01 ngày 9 tháng 7 năm 2021 và Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 14/2021/HDTD/TTKHDNLMN2/02 ngày 9 tháng 9 năm 2021 với thời hạn vay 3 tháng. Mục đích vay thanh toán tiền mua trái phiếu Chính phủ với lãi suất theo từng lần nhận nợ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	-	3,300,000
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thủ Đô	-	310,395,000
Công ty Cổ Phần COLOR LIFE	-	10,542,500
Công ty Cổ Phần Nội Thất Nhà Tân Khang	78,792,022	
	<b>78,792,022</b>	<b>324,237,500</b>

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

STT	Chi tiêu	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	4,661,928,949	100,624,182,076	87,024,679,688	18,261,431,337
2	Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	2,423,141,001	20,833,795,692	17,814,223,320	5,442,713,373
3	Thuế giá trị gia tăng	37,524,324	1,156,586,239	1,193,666,731	443,832
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp		44,451,884,210	35,121,737,394	9,330,146,816
5	Lệ phí môn bài		3,000,000	3,000,000	-
		<b>7,122,594,274</b>	<b>167,069,448,217</b>	<b>141,157,307,133</b>	<b>33,034,735,358</b>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Hoạt động của công ty thuộc diện chịu thuế suất 20%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	26,806,344,228	21,886,689,192
Phí giao dịch, lưu ký	1,463,084,961	992,335,319
Chi phí lãi trái phiếu	27,952,876,712	9,930,958,904
Chi phí lãi vay	591,682,192	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,638,145,540	755,270,254
Chi phí khác cho nhân viên	3,158,399,988	-
	<b>62,610,533,621</b>	<b>33,565,253,669</b>

#### 16. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19,412,500	19,412,500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1,453,434,659	1,606,627,659
Phải trả tiền chờ giao dịch trái phiếu	439,566,101,000	93,615,156,761
Phải trả, phải nộp khác	93,709,108,844	6,666,086,056
	<b>534,748,057,003</b>	<b>101,907,282,976</b>

#### 17. Trái phiếu phát hành dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	2,000,000,000,000	9,20%	36 tháng	1,000,000,000,000	9,20%	36 tháng
<b>Cộng</b>	<b>2,000,000,000,000</b>			<b>1,000,000,000,000</b>		

##### (i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 9 tháng 6 năm 2020.

Trong năm, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

### **18. Vốn góp của chủ sở hữu**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Vốn góp của các cổ đông	2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	877,282,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,000,877,282,000</b>	<b>1,000,000,000,000</b>
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>200.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Lợi nhuận chưa phân phối

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Lỗ lũy kế đầu năm	(39,483,984,042)	(128,749,980,001)
Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế	-	
Lãi/ (lỗ) đã thực hiện đến kỳ báo cáo	186,352,561,650	86,943,906,166
Lãi/ (lỗ) chưa thực hiện đến kỳ báo cáo	(6,047,260,838)	2,322,089,793
	<b>140,821,316,770</b>	<b>(39,483,984,042)</b>

#### 20. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

##### 20.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Bà Huỳnh Thị Huyền Như	370,195,050,072	370,195,050,072
Phải thu các khoản hỗ trợ thanh toán	38,039,785,447	38,039,785,447
	<b>408,234,835,519</b>	<b>408,234,835,519</b>

##### 20.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)

###### a) Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HNX	-	167,457,150,000
Sàn HOSE	72,379,250,000	60,148,290,000
Sàn Upcom	624,330,000	624,330,000
	<b>73,003,580,000</b>	<b>226,718,270,000</b>

###### b) Tài sản tài chính chờ thanh toán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HOSE	-	500,000,000
	<b>-</b>	<b>500,000,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### c) Tài sản tài chính chờ về

	Cuối kỳ	Đầu năm
Sàn HOSE	99,173,450,000	1,511,500,000
	<b>99,173,450,000</b>	<b>1,511,500,000</b>

#### 20.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>Cổ phiếu</b>	<b>84,900,000,000</b>	<b>82,000,000,000</b>
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	79,000,000,000	79,000,000,000
CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	-
<b>Trái phiếu</b>	<b>878,412,500,000</b>	<b>16,100,000,000</b>
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL.2020.06	-	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP BCG Land_BCGL.2021.01	24,668,800,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang_GKC.2021.01	500,000,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư và Dịch vụ HELIOS_HELIOS.2021.01	101,300,000	
Trái phiếu CTCP Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn_HQNCH2124005	300,000,000,000	
Trái phiếu CTCP Tập đoàn R&H_RHG.2021.01	252,957,700,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII.2020.01	64,900,000	
Trái phiếu Cty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn_PKDSG.2020.01	119,800,000	
Trái phiếu_CTCP Chứng khoán Everest_EVSH2124005	100,000,000,000	
Trái phiếu_CTCP CMC_CVTB2125003	100,000,000,000	
Trái phiếu_CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam_TNGCB2122002	100,000,000,000	
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>735,315,140,000</b>	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	100,548,219,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	200,000,000,000	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	40,816,000,000	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	60,628,800,000	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	127,051,400,000	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	105,876,200,000	
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50,197,260,500	
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50,197,260,500	
	<b>1,698,627,640,000</b>	<b>98,100,000,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20.4 Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	379,374,558	3,793,293,376,000	111,385,555	1,113,855,545,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	207,215,991	2,072,159,910,000	83,262,629	1,966,554,330,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5,188,882	139,149,830,000	2,664,591	26,645,910,000
	<b>591,779,431</b>	<b>6,004,603,116,000</b>	<b>197,312,775</b>	<b>3,107,055,785,000</b>

#### 20.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	7,738,816	77,316,779,500	2,434,909	24,349,090,000
	<b>7,738,816</b>	<b>77,316,779,500</b>	<b>2,434,909</b>	<b>24,349,090,000</b>

#### 20.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	339,451,357,208	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	627,976,877	575,907,986
	<b>340,079,334,085</b>	<b>154,001,020,004</b>

#### 20.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Sunshine Marina Nha Trang		28,000,000,000
	-	<b>28,000,000,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 20.8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
- Nhà đầu tư trong nước	339,451,357,208	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	627,976,877	575,907,986
	<b>340,079,334,085</b>	<b>154,001,020,004</b>

#### 21. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1,453,434,659	1,606,627,659
	<b>1,453,434,659</b>	<b>1,606,627,659</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

						Đơn vị tính: VND	
Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
<b>I</b>							
<b>Lãi bán FVTPL</b>							
a)							
a.1)							
Năm 2021							
Lãi Quý III-2021	68,757,077		7,758,351,554,626	7,690,991,572,099	67,367,105,815		
Cổ phiếu niêm yết	9,918,400		340,404,012,000	324,872,087,703	15,531,924,297		
LPB	2,420,000	26,755	64,747,065,000	61,769,998,560	2,977,066,440		
STB	650,000	31,672	20,587,000,000	19,238,500,000	1,348,500,000		
VPB	953,100	71,431	68,081,150,000	64,751,490,000	3,329,660,000		
OCB	455,700	28,483	12,979,655,000	12,530,117,600	449,537,400		
MSB	70,000	27,900	1,953,000,000	1,933,260,000	19,740,000		
HPG	2,367,600	50,799	120,271,750,000	115,589,515,000	4,682,235,000		
MBB	1,192,000	31,261	37,263,630,000	36,449,333,105	814,296,895		
TTF	310,000	7,482	2,319,348,000	2,167,800,000	151,548,000		
ITA	1,500,000	8,134	12,201,414,000	10,442,073,438	1,759,340,562		
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>16,928,203</b>		<b>1,762,309,583,508</b>	<b>1,757,872,099,366</b>	<b>4,437,484,142</b>		
ANC11601	2,384,537	102,498	244,410,716,420	241,442,101,051	2,968,615,369		
KBC12006	1,459,146	106,915	156,004,837,781	156,001,195,373	3,642,408		
MSR118001	2,226,359	103,590	230,627,698,641	229,394,803,629	1,232,895,012		
TD2030015	3,000,000	99,249	297,747,000,000	297,723,000,000	24,000,000		
ANC11607	558,161	104,017	37,254,830,666	37,181,999,313	72,831,353		
TD2030014	3,000,000	100,573	301,719,000,000	301,650,000,000	69,000,000		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
TD2030016	1,500,000	98,891	148,336,500,000	148,302,000,000	34,500,000		
TD1934190	1,000,000	121,157	121,157,000,000	121,147,000,000	10,000,000		
TD1934192	2,000,000	112,526	225,052,000,000	225,030,000,000	22,000,000		
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>41,491,461</b>		<b>4,504,617,501,752</b>	<b>4,463,269,447,523</b>	<b>41,348,054,229</b>		
BOND.TNGCB2124001	2,500,000	101,473	253,681,500,000	253,487,500,000	194,000,000		
PKĐSG.2020.01	707,700	100,000	70,770,000,000	70,201,662,098	568,337,902		
HTL.2019.02	225,117	100,303	22,580,000,000	22,545,438,006	34,561,994		
BCGL.2021.01	2,324,536	106,410	247,353,650,000	240,616,846,332	6,736,803,668		
XDC.2020.01	369,596	100,352	37,089,600,000	36,789,528,349	300,071,651		
DGT.2019	430,932	101,364	43,681,000,000	43,184,981,803	496,018,197		
WDL.2020.01	27,338	101,119	2,764,400,000	2,741,786,214	22,613,786		
HTL.2019.07	7,000	100,000	700,000,000	699,648,198	351,802		
HTL.2020.01	234,000	100,000	23,400,000,000	23,373,277,020	26,722,980		
CI1.2020.01	307,449	100,850	31,006,300,000	30,836,801,572	169,498,428		
HELIOS.2021.01	1,001,368	105,327	105,471,250,000	103,465,725,307	2,005,524,693		
NNHP.2020.01	73,000	102,773	7,502,429,000	7,477,348,556	25,080,444		
SST.2020.01	104,000	100,229	10,423,800,000	10,342,059,459	81,740,541		
SMN.2020.05	80,000	101,464	8,117,100,000	8,049,614,532	67,485,468		
SAM.2020.01	149,000	100,502	14,974,850,000	14,813,770,848	161,079,152		
CI1052022	8,080	101,485	820,000,000	816,418,300	3,581,700		
TCD.2020.01	49,948	102,461	5,117,726,000	5,084,438,457	33,287,543		
PTC.2020.01	229,217	100,889	23,125,500,000	22,854,711,665	270,788,335		
CI1102021	269,044	100,358	27,000,700,000	26,956,310,562	44,389,438		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
GKC.2021.01	1,319,000	100,000	131,900,000,000	131,022,116,733	877,883,267		
BCGL.2019.01	327,021	100,970	33,019,420,000	32,664,496,456	354,923,544		
BOND.DCT.2021	2,000	100,986,000	201,972,000,000	200,000,000,000	1,972,000,000		
HTL.2021.18	3,841,117	105,449	405,040,200,000	394,163,935,680	10,876,264,320		
KHL.2020.01	16,000	100,000	1,600,000,000	1,586,368,993	13,631,007		
GKCCCH2124002	659,726	105,729	69,752,246,000	68,332,672,725	1,419,573,275		
HQN.2021.03	3,520,025	106,059	373,329,600,000	367,077,108,894	6,252,491,106		
HQNC2124005	2,550,000	100,508	256,294,383,560	255,000,000,000	1,294,383,560		
DOJI.2021.01	237,000	100,000	23,700,000,000	23,662,452,504	37,547,496		
TD1CB2126002	1,000,000	101,823	101,823,000,000	101,770,000,000	53,000,000		
TD1CB2130003	1,000,000	102,239	102,239,000,000	102,186,000,000	53,000,000		
TD1CB2134004	1,500,000	102,242	153,363,000,000	153,279,000,000	84,000,000		
BOND.HAACB2124001	500,000	104,939	52,469,500,000	52,441,000,000	28,500,000		
HQN.2021.04	10,387,488	106,343	1,104,640,520,000	1,102,310,211,576	2,330,308,424		
RHG.2021.01	3,718,823	101,137	376,110,000,000	371,882,300,000	4,227,700,000		
MMLB2126001	1,567,436	100,122	156,934,827,192	156,743,600,000	191,227,192		
DOJI.2021.02	248,500	100,000	24,850,000,000	24,810,316,684	39,683,316		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>419,013</b>		<b>1,151,020,457,366</b>	<b>1,144,977,937,507</b>	<b>6,042,519,859</b>		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,805,479	50,402,739,500	50,283,689,500	119,050,000		
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	120	1,027,138,664	123,256,639,680	122,648,184,000	608,455,680		
CCTG_BIDV	1	80,273,775,384	80,273,775,384	80,267,178,082	6,597,302		
CCTG_BIDV	1	70,239,553,462	70,239,553,462	70,233,780,822	5,772,640		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán</i>	<i>Giá bán</i>	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước</i>
CCTG_BIDV	1	50,018,083,340	50,018,083,340	50,013,972,603	4,110,737		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	102,418,729	51,209,364,500	51,007,123,000	202,241,500		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	102,418,729	51,209,364,500	50,176,438,500	1,032,926,000		
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN							
Thịnh Vương	200,000	1,017,529	203,505,800,000	203,462,800,000	43,000,000		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	2,000	100,791,644	201,583,288,000	201,540,772,000	42,516,000		
CCTG_Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vương							
Nam Thịnh Vương	200,000	1,065,929	213,185,800,000	209,226,400,000	3,959,400,000		
CT Tài Chính Cổ Phần Tin Việt	300	103,200,920	30,960,276,000	30,950,100,000	10,176,000		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	90	109,869,322	9,888,239,000	9,884,989,000	3,250,000		
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội							
15,000	1,019,169	15,287,534,000	15,287,534,000	15,282,510,000	5,024,000		
<b>Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</b>			<b>1,000,007,123,288</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>7,123,288</b>		
Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên phong Bank			800,006,575,342	800,000,000,000	6,575,342		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			200,000,547,946	200,000,000,000	547,946		
<b>a.2) Lãi lũy kế đến Quý III-2021</b>	<b>120,888,753</b>		<b>12,340,180,911,034</b>	<b>12,200,519,308,290</b>		<b>139,668,726,032</b>	
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>31,594,500</b>		<b>1,071,758,027,000</b>	<b>992,555,635,473</b>		<b>79,202,391,527</b>	
NVL	90,000	75,836	6,825,240,000	6,007,000,000		818,240,000	
DCM	3,286,900	16,242	53,387,465,000	43,775,122,154		9,612,342,846	
KBC	200,000	45,226	9,045,100,000	6,975,000,000		2,070,100,000	
OCB	974,700	29,539	28,791,755,000	27,961,267,600		830,487,400	
TCB	240,000	35,000	8,400,000,000	7,855,780,000		544,220,000	
STB	6,920,300	28,948	200,326,320,000	186,606,225,000		13,720,095,000	
CTI	173,600	18,898	3,280,650,000	2,815,600,000		465,050,000	
SBT	1,250,000	23,076	28,844,660,000	28,609,280,000		235,380,000	
SSB	100,000	27,560	2,756,030,000	2,015,000,000		741,030,000	
VIC	500,000	127,109	63,554,610,000	55,668,520,000		7,886,090,000	
HPG	3,387,600	54,084	183,215,410,000	173,947,515,000		9,267,895,000	
HSG	1,615,600	41,057	66,331,960,000	59,061,855,000		7,270,105,000	
ACB	230,000	35,200	8,096,000,000	7,636,910,000		459,090,000	
VPB	1,453,100	70,079	101,831,150,000	95,076,490,000		6,754,660,000	
MBB	1,644,600	32,182	52,926,575,000	50,121,843,105		2,804,731,895	
CTG	354,200	51,422	18,213,720,000	18,109,900,000		103,820,000	
LPB	6,693,900	30,260	202,558,975,000	189,039,284,176		13,519,690,824	
MSB	670,000	28,137	18,851,645,000	18,663,170,000		188,475,000	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
TTF	310,000	7,482	2,319,348,000	2,167,800,000	151,548,000		
ITA	1,500,000	8,134	12,201,414,000	10,442,073,438	1,759,340,562		
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>22,093,012</b>		<b>2,296,707,362,959</b>	<b>2,292,132,618,894</b>	<b>4,574,744,065</b>		
TD2035026	1,000,000	106,627	106,627,000,000	106,619,000,000	8,000,000		
ANC11601	4,228,558	101,790	430,423,717,462	427,449,721,438	2,973,996,024		
VHM11801	959,381	103,809	99,592,698,115	99,475,819,972	116,878,143		
KBC12006	1,945,528	106,916	208,007,342,075	208,001,948,692	5,393,383		
MSR118001	3,101,384	103,435	320,790,274,641	319,552,129,479	1,238,145,162		
TD2030015	3,000,000	99,249	297,747,000,000	297,723,000,000	24,000,000		
ANC11607	358,161	104,017	37,254,830,666	37,181,999,313	72,831,353		
TD2030014	3,000,000	100,573	301,719,000,000	301,650,000,000	69,000,000		
TD2030016	1,500,000	98,891	148,336,500,000	148,302,000,000	34,500,000		
TD1934190	1,000,000	121,157	121,157,000,000	121,147,000,000	10,000,000		
TD1934192	2,000,000	112,526	225,052,000,000	225,030,000,000	22,000,000		
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>66,579,526</b>		<b>7,064,446,138,739</b>	<b>7,016,169,779,622</b>	<b>48,276,359,117</b>		
DGT.2019	435,932	101,348	44,181,000,000	43,681,870,707	499,129,293		
HTL.2020.06	263	100,000,000	26,300,000,000	26,212,856,976	87,143,024		
HNG.2020.01	171	100,000,000	17,100,000,000	17,080,453,008	19,546,992		
HTL.2019.07	110,000	100,000	11,000,000,000	10,990,104,774	9,895,226		
HTL.2019.04	168,000	100,000	16,800,000,000	16,761,419,952	38,580,048		
KHL.2020.01	421,000	100,000	42,100,000,000	42,073,491,179	26,508,821		
TCD.2020.01	1,031,643	100,127	103,295,726,000	102,920,730,861	374,995,139		
NNHP.2020.01	356,020	106,181	37,802,429,000	37,611,777,510	190,651,490		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
CIH072022	4,966	100,685	500,000,000	499,208,023		791,977	
SST.2020.01	1,760,450	100,129	176,272,800,000	175,182,987,976		1,089,812,024	
CIH102021	326,573	100,439	32,800,700,000	32,723,309,968		77,390,032	
PTC.2020.01	2,583,197	100,360	259,250,500,000	257,663,560,177		1,586,939,823	
HTL.2020.01	1,166,000	100,000	116,600,000,000	116,562,909,892		37,090,108	
HTL.2019.02	922,117	100,074	92,280,000,000	92,133,364,600		146,635,400	
BCGL.2019.01	651,407	100,888	65,719,420,000	65,129,367,829		590,052,171	
SAM.2020.01	714,250	100,238	71,594,850,000	70,781,582,692		813,267,308	
CIH.2020.01	857,344	100,317	86,006,300,000	85,734,055,359		272,244,641	
CIH052022	62,580	100,192	6,270,000,000	6,265,306,410		4,693,590	
XDC.2020.01	1,924,825	100,295	193,049,600,000	191,583,240,617		1,466,359,383	
WDL.2020.01	685,270	100,230	68,684,400,000	68,399,197,513		285,202,487	
GKC.2021.01	1,898,378	100,006	189,850,000,000	188,810,635,991		1,039,364,009	
GTP.2021.01	3,000,000	100,026	300,078,082,192	300,000,000,000		78,082,192	
TNE.2020.01	44,295	101,592	4,500,000,000	4,444,417,390		55,582,610	
PKDSG.2020.01	2,060,700	100,000	206,070,000,000	205,094,411,555		975,588,445	
BOND.BHCH2124001	1,000,000	100,192	100,192,000,000	100,144,000,000		48,000,000	
BOND.CREB2124001	1,000,000	100,169	100,169,000,000	100,121,000,000		48,000,000	
BOND.BVB122022	400,000	100,058	40,023,200,000	40,000,000,000		23,200,000	
BOND.HAACB2124001	2,000,000	102,005	204,009,000,000	203,876,500,000		132,500,000	
GTP.2021.02	2,000,000	100,026	200,052,054,795	200,000,000,000		52,054,795	
SMN.2020.05	96,000	101,407	9,735,100,000	9,646,947,913		88,152,087	
SMN.2020.03	77,324	102,297	7,910,000,000	7,855,390,827		54,609,173	
BCGL.2021.01	2,544,287	106,063	269,854,650,000	263,104,754,921		6,749,895,079	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
BOND.TNGCB2124001	3,800,000	101,095	384,162,500,000	383,825,500,000	337,000,000	132,000,000	
BOND.BKPCB2124001	1,200,000	100,168	120,201,600,000	120,069,600,000	6,253,214,850	7,974,624	
HQN.2021.03	3,553,076	106,057	376,829,600,000	370,576,385,150	2,005,524,693	1,972,000,000	
SMN.2020.07	10,000	101,120	1,011,200,000	1,003,225,376	10,876,264,320	1,419,573,275	
HELIOS.2021.01	1,001,368	105,327	105,471,250,000	103,465,725,307	1,294,383,560	37,547,496	
BOND.DCT.2021	2,000	100,986,000	201,972,000,000	200,000,000,000	191,227,192	53,000,000	
HTL.2021.18	3,841,117	105,449	405,040,200,000	394,163,935,680	84,000,000	84,000,000	
GKCCCH2124002	659,726	105,729	69,752,246,000	68,332,672,725	2,330,308,424	4,227,700,000	
HQNCCH2124005	2,550,000	100,508	256,294,383,560	255,000,000,000	39,683,316	7,608,108,035	
DOJI.2021.01	237,000	100,000	23,700,000,000	23,662,452,504	547,260,500		
MMLB2126001	1,567,436	100,122	156,934,827,192	156,743,600,000			
TD1CB2126002	1,000,000	101,823	101,823,000,000	101,770,000,000			
TD1CB2130003	1,000,000	102,239	102,239,000,000	102,186,000,000			
TD1CB2134004	1,500,000	102,242	153,363,000,000	153,279,000,000			
HQN.2021.04	10,387,488	106,343	1,104,640,520,000	1,102,310,211,576			
RHG.2021.01	3,718,823	101,137	376,110,000,000	371,882,300,000			
DOJI.2021.02	248,500	100,000	24,850,000,000	24,810,316,684			
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>621,715</b>		<b>1,907,269,382,336</b>	<b>1,899,661,274,301</b>			
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500			
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vương	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000			
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000			

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
Thịnh Vượng							
CCTG_BIDV	1	72,182,536,686	72,182,536,686	72,147,945,205		34,591,481	
CCTG_BIDV	1	30,121,793,939	30,121,793,939	30,107,358,904		14,435,035	
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	200	1,003,100,357	200,620,071,345	200,543,150,685		76,920,660	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	1,000	100,049,315	100,049,315,000	100,000,000,000		49,315,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	101,595,616	50,797,808,000	50,548,630,000		249,178,000	
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,472,712,500		527,287,500	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,805,479	50,402,739,500	50,283,689,500		119,050,000	
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	120	1,027,138,664	123,256,639,680	122,648,184,000		608,455,680	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	80,273,775,384	80,273,775,384	80,267,178,082		6,597,302	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	70,239,553,462	70,239,553,462	70,233,780,822		5,772,640	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	50,018,083,340	50,018,083,340	50,013,972,603		4,110,737	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	102,418,729	51,209,364,500	51,007,123,000		202,241,500	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	102,418,729	51,209,364,500	50,176,438,500		1,032,926,000	
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN							
Thịnh Vượng	200,000	1,017,529	203,505,800,000	203,462,800,000		43,000,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	2,000	100,791,644	201,583,288,000	201,540,772,000		42,516,000	
CCTG_Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt							
Nam Thịnh Vương	200,000	1,065,929	213,185,800,000	209,226,400,000		3,959,400,000	
CT Tài Chính Cổ Phần							
Tin Việt	300	103,200,920	30,960,276,000	30,950,100,000		10,176,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	90	109,869,322	9,888,239,000	9,884,989,000		3,250,000	
CCTG_Cty TC TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội							
Sài Gòn - Hà Nội	15,000	1,019,169	15,287,534,000	15,282,510,000		5,024,000	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lity kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</b>			<b>1,000,007,123,288</b>	<b>1,000,000,000,000</b>		<b>7,123,288</b>	
Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Tiên phong Bank			800,006,575,342	800,000,000,000		6,575,342	
Hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			200,000,547,946	200,000,000,000		547,946	
<b>b) Năm 2020</b>			<b>624,500,000,000</b>	<b>623,493,449,394</b>			<b>1,006,550,606</b>
<b>b.1) Lãi Quý III-2020</b>	<b>6,245</b>						<b>1,006,550,606</b>
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>6,245</b>		<b>624,500,000,000</b>	<b>623,493,449,394</b>			
CIH102021	143	100,000,000	14,300,000,000	14,234,523,178			65,476,822
HTL.2019.04	1,090	100,000,000	109,000,000,000	108,904,309,825			95,690,175
HTL.2019.07	371	100,000,000	37,100,000,000	36,898,697,211			201,302,789
CIH072022	1,063	100,000,000	106,300,000,000	106,158,958,156			141,041,844
HTL.2019.02	1,922	100,000,000	192,200,000,000	192,179,869,233			20,130,767
HNG.2020.01	223	100,000,000	22,300,000,000	22,279,604,321			20,395,679
NNHP.2020.01	359	100,000,000	35,900,000,000	35,883,326,799			16,673,201
DGT.2019	50	100,000,000	5,000,000,000	4,999,406,941			593,059
CIH.2020.01	637	100,000,000	63,700,000,000	63,457,914,937			242,085,063
HTL.2020.01	387	100,000,000	38,700,000,000	38,496,838,793			203,161,207

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>b.2) Lãi lũy kế đến Quý III-2020</b>	<b>9,280</b>		<b>928,000,000,000</b>	<b>925,888,813,108</b>			<b>2,111,186,892</b>
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>9,280</b>		<b>928,000,000,000</b>	<b>925,888,813,108</b>			<b>2,111,186,892</b>
CIH102021	169	100,000,000	16,900,000,000	16,830,304,190			69,695,810
CIH052022	1,524	100,000,000	152,400,000,000	152,100,756,155			299,243,845
BCGL.2019.01	664	100,000,000	66,400,000,000	65,895,452,423			504,547,577
HTL.2019.07	1,176	100,000,000	117,600,000,000	117,108,994,414			491,005,586
HTL.2019.04	1,106	100,000,000	110,600,000,000	110,497,386,746			102,613,254
NNHP.2020.01	359	100,000,000	35,900,000,000	35,883,326,799			16,673,201
DGT.2019	50	100,000,000	5,000,000,000	4,999,406,941			593,059
CIH072022	1,063	100,000,000	106,300,000,000	106,158,958,156			141,041,844
HTL.2019.02	1,922	100,000,000	192,200,000,000	192,179,869,233			20,130,767
HTL.2020.01	387	100,000,000	38,700,000,000	38,496,838,793			203,161,207
HNG.2020.01	223	100,000,000	22,300,000,000	22,279,604,321			20,395,679
CIH.2020.01	637	100,000,000	63,700,000,000	63,457,914,937			242,085,063
<b>II Lỗ bán FVTPL</b>							
<b>a) Năm 2021</b>							
<b>a.1) Lỗ Quý III-2021</b>	<b>50,166,487</b>		<b>4,987,511,960,497</b>	<b>5,083,916,315,376</b>	<b>(96,404,354,879)</b>		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>10,409,661</b>		<b>385,752,937,700</b>	<b>426,449,326,366</b>	<b>(40,696,388,666)</b>		
LPB	704,900	30,133	21,240,735,000	21,366,826,561	(126,091,561)		
VPB	1,412,900	61,257	86,549,610,000	90,426,690,000	(3,877,080,000)		
CTG	4,492,906	31,838	143,045,177,200	169,434,740,000	(26,389,562,800)		
MBB	3,326,255	28,219	93,862,765,500	101,711,221,895	(7,848,456,395)		
VNM	380,200	87,000	33,077,400,000	34,743,200,000	(1,665,800,000)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
VIC	92,500	86,241	7,977,250,000	8,766,647,910	(789,397,910)		
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>7,283,891</b>		<b>796,734,727,084</b>	<b>797,462,447,000</b>	<b>(727,719,916)</b>		
ANC11601	892,260	100,873	90,005,359,368	90,375,119,206	(369,759,838)		
KBC12006	484,000	103,425	50,057,700,000	50,099,633,487	(41,933,487)		
MSR118001	407,631	103,036	42,000,667,716	42,000,694,307	(26,591)		
TD2035021	2,000,000	102,261	204,522,000,000	204,594,000,000	(72,000,000)		
TD1934189	500,000	120,152	60,076,000,000	60,218,000,000	(142,000,000)		
TD1934191	3,000,000	116,691	350,073,000,000	350,175,000,000	(102,000,000)		
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>32,469,735</b>		<b>3,308,774,846,313</b>	<b>3,357,518,628,620</b>	<b>(48,743,782,307)</b>		
PKĐSG.2020.01	1,084,372	100,000	108,437,200,000	109,691,790,655	(1,254,590,655)		
HTL.2019.02	1,653,083	99,934	165,199,700,000	165,555,037,771	(355,337,771)		
BCGL.2021.01	4,489,816	101,675	456,501,600,000	467,977,317,104	(11,475,717,104)		
XDC.2020.01	16,326	100,790	1,645,500,000	1,744,052,228	(98,552,228)		
DGT.2019	10,939	101,088	1,105,800,000	1,111,579,012	(5,779,012)		
HNG.2020.01	318	100,000,000	31,800,000,000	32,366,192,938	(566,192,938)		
WDL.2020.01	265,360	100,626	26,702,100,000	27,044,630,668	(342,530,668)		
HTL.2019.07	619,844	99,989	61,977,600,000	63,139,917,458	(1,162,317,458)		
HTL.2020.01	533,222	100,015	53,330,000,000	54,618,906,876	(1,288,906,876)		
CIJ.2020.01	156,915	100,365	15,748,800,000	16,215,107,008	(466,307,008)		
HELIOS.2021.01	1,784,643	101,852	181,769,130,000	186,888,489,374	(5,119,359,374)		
CIJ072022	1,252,534	100,059	125,327,600,000	127,913,901,578	(2,586,301,578)		
NNHP.2020.01	2,247,230	101,933	229,067,026,780	229,676,853,305	(609,826,525)		
SAM.2020.01	128,528	101,275	13,016,700,000	13,105,248,816	(88,548,816)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
CIH052022	680,864	100,177	68,206,700,000	69,659,699,220	(1,452,999,220)		
TCD.2020.01	11,052	100,724	1,113,200,000	1,127,040,910	(13,840,910)		
PTC.2020.01	100	100,000	10,000,000	10,204,492	(204,492)		
CIH02021	406,843	100,316	40,812,864,000	41,424,697,862	(611,833,862)		
GKC.2021.01	2,918,300	100,005	291,844,400,000	294,211,072,203	(2,366,672,203)		
BCGL.2019.01	48,979	100,460	4,920,450,000	5,029,213,444	(108,763,444)		
HTL.2021.18	9,800,383	100,487	984,815,000,000	994,692,211,224	(9,877,211,224)		
KHL.2020.01	221,000	100,021	22,104,600,000	22,696,874,231	(592,274,231)		
GKCC2124002	389,992	103,343	40,302,800,000	41,201,268,727	(898,468,727)		
HQN.2021.03	2,422,806	102,456	248,229,900,000	253,828,999,680	(5,599,099,680)		
HQNC2124005	610,000	99,907	60,943,342,465	61,000,000,000	(56,657,535)		
DOJI.2021.01	30,000	100,000	3,000,000,000	3,010,315,151	(10,315,151)		
HQN.2021.04	681,286	103,236	70,333,400,000	72,055,403,755	(1,722,003,755)		
HTL.2019.04	5,000	101,887	509,433,068	522,602,930	(13,169,862)		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>3,200</b>	<b>1,581,247,247</b>	<b>496,249,449,400</b>	<b>502,485,913,390</b>	<b>(6,236,463,990)</b>		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,283,689,500	(283,689,500)		
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,119,178,000	(119,178,000)		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,595,374,500	(595,374,500)		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,390,685,000	(390,685,000)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<i>Danh mục các khoản đầu tư</i>	<i>Số lượng bán</i>	<i>Giá bán</i>	<i>Tổng giá trị bán</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước</i>
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,532,054,795	(532,054,795)		
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,532,054,795	(532,054,795)		
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	200	981,247,247	196,249,449,400	200,032,876,800	(3,783,427,400)		
<b>Lỗ lũy kế đến Quý III-2021</b>	<b>104,319,378</b>		<b>8,810,853,424,420</b>	<b>8,993,349,019,623</b>	<b>(182,495,595,203)</b>	<b>(43,951,737,822)</b>	
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>33,438,061</b>		<b>679,052,816,700</b>	<b>723,004,554,522</b>			
GEX	5,000,000	22,800	114,000,000,000	114,000,000,000			
NVB	14,159,200	10,000	141,592,000,000	141,592,000,000			
BVH	36,000	62,450	2,248,190,000	2,314,000,000	(65,810,000)	(65,810,000)	
SBT	311,000	19,407	6,035,665,000	6,883,090,000	(847,425,000)	(847,425,000)	
SCR	3,518,200	8,359	29,407,144,000	31,748,938,000	(2,341,794,000)	(2,341,794,000)	
VIC	92,500	86,241	7,977,250,000	8,766,647,910	(789,397,910)	(789,397,910)	
VPB	1,412,900	61,257	86,549,610,000	90,426,690,000	(3,877,080,000)	(3,877,080,000)	
MBB	3,326,255	28,219	93,862,765,500	101,711,221,895	(7,848,456,395)	(7,848,456,395)	
CTG	4,492,906	31,838	143,045,177,200	169,434,740,000	(26,389,562,800)	(26,389,562,800)	
LPB	704,900	30,133	21,240,735,000	21,366,826,561	(126,091,561)	(126,091,561)	
SJF	4,000	4,220	16,880,000	17,200,156	(320,156)	(320,156)	
VNM	380,200	87,000	33,077,400,000	34,743,200,000	(1,665,800,000)	(1,665,800,000)	
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>7,902,859</b>		<b>886,550,648,212</b>	<b>887,304,382,909</b>	<b>(753,734,697)</b>	<b>(753,734,697)</b>	
TD1429094	500,000	155,631	77,815,500,000	77,841,500,000	(26,000,000)	(26,000,000)	
ANC11601	1,011,228	100,873	102,005,780,496	102,375,555,115	(369,774,619)	(369,774,619)	

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
KBC12006	484,000	103,425	50,057,700,000	50,099,633,487	(41,933,487)		
MSR118001	407,631	103,036	42,000,667,716	42,000,694,307	(26,591)		
TD2035021	2,000,000	102,261	204,522,000,000	204,594,000,000	(72,000,000)		
TD1934189	500,000	120,152	60,076,000,000	60,218,000,000	(142,000,000)		
TD1934191	3,000,000	116,691	350,073,000,000	350,175,000,000	(102,000,000)		
<b>Trái phiếu chưa niên yết</b>	<b>62,974,758</b>		<b>6,699,000,510,108</b>	<b>6,829,974,442,802</b>	<b>(130,973,932,694)</b>		
DGT.2019	34,295	1,306,482	44,805,800,000	45,160,725,952	(354,925,952)		
HNG.2020.01	2,791	100,000,000	279,100,000,000	288,789,521,897	(9,689,521,897)		
HTL.2019.07	3,122,400	100,002	312,247,600,000	319,388,371,842	(7,140,771,842)		
HTL.2019.04	7,393,000	100,587	743,638,483,796	766,199,312,241	(22,560,828,445)		
KHL.2020.01	1,011,000	100,010	101,110,500,000	102,321,740,329	(1,211,240,329)		
TCD.2020.01	167,717	100,048	16,779,700,000	16,827,652,148	(47,952,148)		
NNHP.2020.01	2,825,444	109,104	308,267,026,780	309,417,254,856	(1,150,228,076)		
CIU072022	2,269,534	100,033	227,027,600,000	230,678,311,282	(3,650,711,282)		
SST.2020.01	111,050	100,227	11,130,200,000	11,136,866,676	(6,666,676)		
CI1102021	1,232,393	100,141	123,412,864,000	124,660,794,222	(1,247,930,222)		
PTC.2020.01	779,688	100,407	78,286,250,000	81,414,967,000	(3,128,717,000)		
HTL.2020.01	2,209,222	100,004	220,930,000,000	224,845,546,051	(3,915,546,051)		
HTL.2019.02	2,122,083	99,949	212,099,700,000	212,583,686,674	(483,986,674)		
BCGL.2019.01	1,426,581	100,297	143,081,750,000	145,616,086,514	(2,534,336,514)		
SAM.2020.01	940,750	100,404	94,455,261,584	97,181,725,723	(2,726,464,139)		
CI1.2020.01	713,007	100,208	71,448,800,000	73,631,053,615	(2,182,253,615)		
CI1052022	3,332,322	100,031	333,335,800,000	343,404,855,843	(10,069,055,843)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
XDC.2020.01	404,905	100,686	40,768,400,000	41,901,028,547	(1,132,628,547)		
WDL.2020.01	2,977,658	100,304	298,672,100,000	308,300,569,320	(9,628,469,320)		
GKC.2021.01	5,364,522	100,003	536,466,139,715	540,892,438,765	(4,426,299,050)		
TNE.2020.01	705	99,901	70,430,000	70,987,447	(557,447)		
PKDSG.2020.01	1,089,372	100,000	108,937,200,000	110,191,864,478	(1,254,664,478)		
SMN.2020.05	4,000	100,000	400,000,000	401,076,496	(1,076,496)		
SMN.2020.03	422,676	100,004	42,269,500,000	42,939,904,468	(670,404,468)		
BCGL.2021.01	7,270,706	102,123	742,502,700,000	760,640,719,424	(18,138,019,424)		
HQN.2021.03	2,445,483	102,487	250,629,900,000	256,229,723,424	(5,599,823,424)		
KTB.2019.01	150	103,024,658	15,453,698,700	15,777,366,407	(323,667,707)		
HELIOS.2021.01	1,784,643	101,852	181,769,130,000	186,888,489,374	(5,119,359,374)		
HTL.2021.18	9,800,383	100,487	984,815,000,000	994,692,211,224	(9,877,211,224)		
GKCCCH2124002	389,992	103,343	40,302,800,000	41,201,268,727	(898,468,727)		
HQNCH2124005	610,000	99,907	60,943,342,465	61,000,000,000	(56,657,535)		
DOJI.2021.01	30,000	100,000	3,000,000,000	3,010,315,151	(10,315,151)		
HQN.2021.04	681,286	103,236	70,333,400,000	72,055,403,755	(1,722,003,755)		
HTL.2019.04	5,000	101,887	509,433,068	522,602,930	(13,169,862)		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>3,700</b>		<b>546,249,449,400</b>	<b>553,065,639,390</b>	<b>(6,816,189,990)</b>		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,390,685,000	(390,685,000)		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,579,726,000	(579,726,000)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,283,689,500	(283,689,500)		
CCTG Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,119,178,000	(119,178,000)		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV							
Mirae Asset (Việt Nam)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,595,374,500	(595,374,500)		
CCTG Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,532,054,795	(532,054,795)		
CCTG Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	50,532,054,795	(532,054,795)		
CCTG Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	200	981,247,247	196,249,449,400	200,032,876,800	(3,783,427,400)		
<b>Năm 2020</b>							
<b>Lỗ Quý III-2020</b>	<b>1,892,839</b>		<b>463,189,690,000</b>	<b>464,553,421,602</b>		<b>(1,363,731,602)</b>	
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>1,890,000</b>		<b>179,289,690,000</b>	<b>179,311,170,000</b>		<b>(21,480,000)</b>	
TD2030014	390,000	96,271	37,545,690,000	37,558,170,000		(12,480,000)	
TD2030016	1,500,000	94,496	141,744,000,000	141,753,000,000		(9,000,000)	
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>2,839</b>		<b>283,900,000,000</b>	<b>285,242,251,602</b>		<b>(1,342,251,602)</b>	
CIH102021	139	100,000,000	13,900,000,000	13,905,361,224		(5,361,224)	
CIH052022	270	100,000,000	27,000,000,000	27,605,424,519		(605,424,519)	
HTL.2019.04	732	100,000,000	73,200,000,000	73,482,733,579		(282,733,579)	
BCGL.2019.01	395	100,000,000	39,500,000,000	39,538,415,129		(38,415,129)	
HTL.2019.07	209	100,000,000	20,900,000,000	20,920,564,002		(20,564,002)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
CIH072022	93	100,000,000	9,300,000,000	9,357,233,623	(57,233,623)		
KHL.2020.01	49	100,000,000	4,900,000,000	4,913,981,922	(13,981,922)		
HTL.2019.02	82	100,000,000	8,200,000,000	8,244,764,622	(44,764,622)		
HNG.2020.01	443	100,000,000	44,300,000,000	44,498,520,347	(198,520,347)		
NNHP.2020.01	77	100,000,000	7,700,000,000	7,712,278,019	(12,278,019)		
DGT.2019	250	100,000,000	25,000,000,000	25,017,408,503	(17,408,503)		
CH.2020.01	100	100,000,000	10,000,000,000	10,045,566,113	(45,566,113)		
<b>Lỗ lũy kế đến Quý III-2020</b>	<b>2,392,931</b>		<b>532,214,190,000</b>	<b>533,848,719,646</b>	<b>(1,634,529,646)</b>		
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>2,390,000</b>		<b>239,114,190,000</b>	<b>239,142,670,000</b>	<b>(28,480,000)</b>		
TD1727396	500,000	119,649	59,824,500,000	59,831,500,000	(7,000,000)		
TD2030014	390,000	96,271	37,545,690,000	37,558,170,000	(12,480,000)		
TD2030016	1,500,000	94,496	141,744,000,000	141,753,000,000	(9,000,000)		
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>2,931</b>		<b>293,100,000,000</b>	<b>294,706,049,646</b>	<b>(1,606,049,646)</b>		
CIH102021	139	100,000,000	13,900,000,000	13,905,361,224	(5,361,224)		
CIH052022	292	100,000,000	29,200,000,000	29,805,424,519	(605,424,519)		
HTL.2019.04	742	100,000,000	74,200,000,000	74,504,481,354	(304,481,354)		
BCGL.2019.01	395	100,000,000	39,500,000,000	39,538,415,129	(38,415,129)		
HTL.2019.07	209	100,000,000	20,900,000,000	20,920,564,002	(20,564,002)		
CIH072022	153	100,000,000	15,300,000,000	15,599,283,892	(299,283,892)		
KHL.2020.01	49	100,000,000	4,900,000,000	4,913,981,922	(13,981,922)		
HTL.2019.02	82	100,000,000	8,200,000,000	8,244,764,622	(44,764,622)		
HNG.2020.01	443	100,000,000	44,300,000,000	44,498,520,347	(198,520,347)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số tương bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
NNHP.2020.01	77	100,000,000	7,700,000,000	7,712,278,019			(12,278,019)
DGT.2019	250	100,000,000	25,000,000,000	25,017,408,503			(17,408,503)
CII.2020.01	100	100,000,000	10,000,000,000	10,045,566,113			(45,566,113)

#### 23. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kế từ đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán lũy kế đến kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
<b>I</b>	<b>Loại FVTPL</b>	<b>2,071,119,110,536</b>	<b>2,060,153,919,321</b>	<b>(10,965,191,215)</b>	<b>(49,091,428)</b>	<b>(10,916,099,787)</b>	<b>2,456,038,481</b>	<b>(12,854,838,268)</b>
	Cổ phiếu niêm yết	171,956,746,531	161,503,003,000	(10,453,743,531)	(624,740,600)	(9,829,002,931)	2,204,570,034	(12,033,572,965)
	Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	145,900,000,000	-	-	-	-	-
	Trái phiếu niêm yết	136,204,760,121	136,455,276,321	250,516,200	517,300,000	(266,783,800)	250,516,200	-
	Trái phiếu chưa niêm yết	881,742,463,884	880,980,500,000	(761,963,884)	58,349,172	(820,313,056)	952,247	(821,265,303)
	Chứng chỉ tiền gửi	735,315,140,000	735,315,140,000	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Loại HTM</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>1,200,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Công cụ thị trường tiền tệ	1,200,000,000,000	1,200,000,000,000	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Các khoản cho vay</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>1,277,196,223,200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
		4,548,315,333,736	4,537,350,142,521	(10,965,191,215)	(49,091,428)	(10,916,099,787)	2,456,038,481	(12,854,838,268)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****24. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Từ tài sản FVTPL	31,585,285,194	65,371,440,654	2,273,531,944	2,295,872,595
Từ các khoản đầu tư HTM	223,561,644	231,397,260	-	5,753,425
<b>Cộng</b>	<b>31,808,846,838</b>	<b>65,602,837,914</b>	<b>2,273,531,944</b>	<b>2,301,626,020</b>

**25. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	2,309,118,418	7,322,767,402	210,454,605	345,901,903
Cho vay ký quỹ	23,573,313,350	31,819,611,044	32,904,841	33,035,766
<b>Cộng</b>	<b>25,882,431,768</b>	<b>39,142,378,446</b>	<b>243,359,446</b>	<b>378,937,669</b>

**26. Doanh thu ngoài thu nhập tài sản tài chính**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	21,032,473,971	55,686,630,614	8,586,785,784	13,188,513,966
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	312,371,671	6,139,290,129	25,000,000	25,000,000
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	64,208,705,008	138,665,150,000	11,431,851,664	19,747,165,262
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	139,898,155,291	443,323,155,291	78,800,000,000	214,795,205,479
Doanh thu khác	388,154,045	976,466,839	1,320,000,000	2,352,000,000
<b>Cộng</b>	<b>225,839,859,986</b>	<b>644,790,692,873</b>	<b>100,163,637,448</b>	<b>250,107,884,707</b>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính***Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	410,155,459	895,590,729	21,527,322	316,775,154
<b>Cộng</b>	<b>410,155,459</b>	<b>895,590,729</b>	<b>21,527,322</b>	<b>316,775,154</b>

**28. Chi phí hoạt động tài chính**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lãi vay	52,120,234,366	119,058,608,356	15,761,099,898	16,661,146,896
<b>Cộng</b>	<b>52,120,234,366</b>	<b>119,058,608,356</b>	<b>15,761,099,898</b>	<b>16,661,146,896</b>

**29. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
1 Chi phí hoạt động tự doanh	96,241,366,749	195,881,146,235	1,708,731,388	2,164,593,393
- <i>Lỗ bán tài sản tài chính</i>	<i>96,418,900,334</i>	<i>182,495,595,203</i>	<i>1,363,731,602</i>	<i>1,634,529,646</i>
- <i>Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính</i>	<i>(638,898,988)</i>	<i>12,854,838,268</i>	<i>296,588,670</i>	<i>321,499,070</i>
- <i>Chi phí giao dịch mua các Tài sản tài chính</i>	<i>461,365,403</i>	<i>511,167,309</i>	<i>48,411,116</i>	<i>64,564,677</i>
- <i>Chi phí quản lý hoạt động tự doanh</i>	<i>14,545,455</i>	<i>19,545,455</i>	-	<i>144,000,000</i>
2 Chi phí hoạt động môi giới	28,746,113,945	52,459,233,979	2,148,151,108	6,157,442,039
3 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	53,183,880,332	146,792,843,087	35,392,355,263	115,784,141,197
4 Chi phí lưu ký chứng khoán	45,485,043,516	91,105,196,120	10,595,432,765	10,949,925,345
<b>Cộng</b>	<b>223,656,404,542</b>	<b>486,238,419,421</b>	<b>49,844,670,524</b>	<b>135,056,101,974</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****30. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	15,532,558,508	40,972,146,315	5,781,950,027	17,274,982,024
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	864,600,000	2,262,663,000	747,196,778	1,582,289,280
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	98,108,488	324,308,569	46,497,894	97,445,128
Chi phí công cụ, dụng cụ	981,696,479	1,779,936,049	208,642,727	601,406,849
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,342,750,619	2,008,761,845	368,367,656	1,058,216,483
Chi phí thuế, phí và lệ phí	-	28,119,148	1,540,000	99,352,485
Chi phí thuê văn phòng	1,253,196,053	1,323,046,853	1,196,923,147	3,110,821,848
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	263,339,729	538,554,854	95,798,499	320,336,146
Chi phí mua ngoài khác	3,575,737,476	8,114,102,241	1,239,428,106	3,154,003,003
Chi phí khác	4,716,397,930	12,429,203,821	1,786,280,908	4,973,642,780
<b>Cộng</b>	<b>28,628,385,282</b>	<b>69,780,842,695</b>	<b>11,472,625,742</b>	<b>32,272,496,026</b>

**31. Thu nhập khác**

	<i>QUÝ III - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ III - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Thu nhập từ thanh lý CCDC, TSCĐ	56,982,454	56,982,454	-	-
Thu nhập từ thu hồi Nợ đã xử lý của vụ án Huyện Như	-	-	1,971,797,145	4,740,067,475
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	290,274,942	10,103,448,550	2,123,287	72,123,287
Thu nhập khác	-	1,054	-	8,490
	<b>347,257,396</b>	<b>10,160,432,058</b>	<b>1,973,920,432</b>	<b>4,812,199,252</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****32. Chi phí khác**

	QUÝ III - NĂM 2021		QUÝ III - NĂM 2020	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Chi phí thanh lý CCDC	-	67,673,786	18,506,250	18,506,250
Chi phí khác	-	5,000,000,000	361	361
	-	<b>5,067,673,786</b>	<b>18,506,611</b>	<b>18,506,611</b>

**THÔNG TIN KHÁC**

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Vào ngày 07 tháng 10 năm 2021, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 550/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài thông tin trên, không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính Quý của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021



**NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Giám đốc Khối Tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính